

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày: 16-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh và ông Bùi Sỹ Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 27/10/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P; sinh ngày 13/11/1999 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 3, phường An Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Cẩm D; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 15/4/2020 bị Công an xã CA xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2020 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Y Ch, sinh năm 1996; địa chỉ: Xã MB, huyện KP, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đặng Ngọc T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ 3, phường An Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Lê Văn Th.

2. Trần Quang Đ.
3. Nguyễn Thị Mỹ L.
4. Đoàn Thị Mỹ C.
5. Trần Thị Mỹ K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 15/6/2020, Nguyễn Văn P đến nhà anh Lê Văn Thế ở Tổ 2, phường An Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai để dự đám cưới. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đi vệ sinh, P vào trong nhà ngồi tại ghế salon. Lúc này, P nhìn thấy trên móc treo đồ trong phòng ngủ có 01 túi xách màu xanh của chị YC. Quan sát thấy không ai để ý nên P nảy sinh ý định trộm cắp tiền để tiêu xài. P đi vào trong phòng ngủ mở túi xách, tay phải thò vào trong túi xách lấy 01 chiếc ví màu trắng xám bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài sân. Sau đó, P nhờ Trần Quang Đ chờ về nhà tại Tổ 3, phường An Ph, thị xã A. Đến nơi P không vào nhà mà đi bộ sang nhà Đặng Ngọc T, nhờ T chở đến Trung tâm thương mại thị xã A, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 81G1-22.089 chở P. Khi đến cây xăng Phú Dũng, P nói T vào đổ xăng, P lấy 20.000đ trong số tiền 27.000đ của P trả tiền xăng, còn lại 7.000đ. Trên đường đi, P ngồi sau mở ví ra lấy toàn bộ tiền trong ví rồi rút ví bên trong còn có một số giấy tờ của chị YC xuống chân cầu Suối Vôi thuộc Tổ 1, phường An Ph, thị xã A.

Khi đến Trung tâm thương mại thị xã A, P lấy tiền ra đếm thấy có 1.778.000đ. P đến quầy hàng của chị Nguyễn Thị Mỹ Châu hỏi mua 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 đôi bông tai màu trắng với giá 90.000đ. Sau đó, P nói T chở đến tiệm điện thoại Minh Tuấn để mua điện thoại. Lúc này, T hỏi “Tiền ở đâu mà mua điện thoại”, P trả lời “Mới lấy tiền công”. T dừng xe ngoài đường, P đi một mình vào gặp chị Nguyễn Thị Mỹ Lại hỏi mua điện thoại Oppo A33w giá 1.100.000đ, 01 sim điện thoại 70.000đ và 02 card điện thoại 20.000đ. Sau đó, P cho T mượn 350.000đ, T chở P đến xã Tú An, P đưa T 20.000đ mua rượu uống. Đến 16 giờ cùng ngày, T chở P đến tiệm cắt tóc của chị Trần Thị Mỹ K ở Tổ 2, phường An Ph, thị xã A. P vào cắt tóc hết 40.000đ. Cắt tóc xong P đi bộ đến tiệm tạp hóa của chị Trần Thị M mua nước, thuốc lá, bật lửa hết 38.000đ. Còn lại 57.000đ, trong đó có 7.000đ của P thì bị Công an phường An Ph phát hiện thu giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A thu giữ các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33w, màu trắng đã qua sử dụng, số Imel 869299028966396; sim số 0935990354; 01 cục sạc điện thoại đã qua sử dụng;

Số tiền 57.000đ gồm 03 tờ mệnh giá 10.000đ, 05 tờ mệnh giá 5.000đ, 01 tờ mệnh giá 2.000đ; 01 đôi bông tai kim loại màu trắng bạc; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 ví màu trắng kích thước 8x11,5cm, bên trong có 04 ngăn gồm 01 ngăn lớn và 03 ngăn nhỏ, bên ngoài ví có khuy bấm; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Đoàn Công B số thẻ 9704050978252091; 01 chứng minh nhân dân số 233206840 mang tên YC; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên YC, mã số DT2626221252261; số tiền 1.378.000đ Nguyễn Văn P nộp để bồi thường thiệt hại. Số tiền do Đặng Ngọc T giao nộp là 350.000đ.

Ngày 17/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho chị YC các tài sản, giấy tờ gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam 1.778.000đ; 01 ví màu trắng xám; 01 thẻ ATM; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế.

Tại Kết luận định giá tài sản số 43/KLĐGTS ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị của chiếc ví màu trắng xám kích thước (18x11,5)cm đã qua sử dụng là 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị khấu trừ 5 đến 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33w, màu trắng đã qua sử dụng, số Imel 869299028966396; 01 cục sạc điện thoại đã qua sử dụng. Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 đôi bông tai kim loại màu trắng bạc (loại của trẻ em đeo); 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng (loại của trẻ em đeo) và sim số 0935990354. Đề nghị trả lại số tiền 7.000đ cho bị cáo Nguyễn Văn P;

Lời khai của bị hại chị Y Ch có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Vào trưa ngày 15/6/2020 chị có đi dự đám cưới của bạn là Lê Thị Thanh T tại địa chỉ: Tổ 2, phường An Ph, thị xã A. Khi vào dự tiệc cưới chị có gửi túi xách tại phòng ngủ của chị T. Bên trong túi xách có 01 cái ví màu trắng xám, trong đó có tiền mặt, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 thẻ ATM. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn P là người trộm cắp ví da trên. Hiện nay chị đã nhận lại được toàn bộ tài sản và giấy tờ bị mất nên chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/6/2020, tại nhà anh Lê Văn Th ở Tổ 2, phường An Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Văn P đã lén lút chiếm đoạt của chị Y Ch 01 cái ví (trị giá 70.000đ) và số tiền 1.778.000đ, tổng trị giá 1.848.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ, nhưng do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là trường hợp “Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Xét bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng, phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hành vi, thủ đoạn phạm tội giản đơn. Mặc dù bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng đây là yếu tố để định tội đối với bị cáo trong vụ án này. Do đó, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng

đủ tác dụng giáo dục và răn đe. Đồng thời khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33w màu trắng đã qua sử dụng, có số Imel 869299028966396; một cục sạc điện thoại di động màu trắng đã qua sử dụng là những tài sản mà bị cáo đã dùng tiền do phạm tội mà có để mua nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 đôi bông tai kim loại màu trắng bạc (loại của trẻ em đeo); 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng (loại của trẻ em đeo) sim số 0935990354 không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 7.000đ là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn P nên trả lại cho bị cáo. Các vật chứng còn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 12 (mười hai) tháng tù không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân phường An Ph, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn P trong thời gian cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33w màu trắng đã qua sử dụng, có số Imel 869299028966396; một cục sạc điện thoại di động màu trắng đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu hủy: Một đôi bông tai kim loại màu trắng bạc (loại của trẻ em đeo); Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (loại của trẻ em đeo) và sim điện thoại số 0935990354;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 7.000đ (bảy nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (16/11/2020), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tú Hải

